

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HƯNG  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DS-ST

Ngày: 01-8-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Minh.

2. Bà Đặng Thị Thu Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị Kim T, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà T:

- Ông Nguyễn Thanh L; sinh năm: 1989; Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền ngày 20/6/2023.

- Ông Võ Tấn N, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Thu N1, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện T, Long An.

(Ông L, ông N có mặt; ông H và bà N1 xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L và ông Võ Tấn N trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Thanh H có thoả thuận mua bán thức ăn chăn nuôi cá. Tính đến ngày 06/01/2022, ông H còn nợ bà T số tiền 197.030.000 đồng, ông H có ký tên vào biên bản đối chiếu công nợ với bà T. Từ tháng 02/2022 đến nay, ông H không trả tiền cho bà T mặc dù bà T đã đến nhà yêu cầu trả nợ nhiều lần.

Tại phiên tòa, ông L và ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Trần Thị Thu N1 phải liên đới trả cho bà T số tiền gốc 197.030.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng, tính từ tháng 02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn là 25 tháng (197.030.000 đồng x 0,83%/tháng x 25 tháng = 40.883.725 đồng) thành tiền là 40.883.000 đồng (đã làm tròn).

Như vậy, ông H và bà N1 phải liên đới trả cho bà T tổng số tiền 237.913.000 đồng (197.030.000 đồng tiền gốc + 40.883.000 đồng tiền lãi suất = 237.913.000 đồng).

*Bị đơn ông Nguyễn Thanh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu N1 cùng thống nhất trình bày:*

Năm 2018, vợ chồng ông H và bà N1 có thỏa thuận mua bán thức ăn thủy sản với bà Mai Thị Kim T, trong quá trình mua bán thì vợ chồng ông, bà có trả tiền đầy đủ theo từng đợt cá. Đến năm 2022, do chăn nuôi cá bị thua lỗ nên vợ chồng ông, bà còn nợ lại bà Kim T số tiền 197.030.000 đồng và có ký tên vào biên bản đối chiếu công nợ với bà T.

Vợ chồng ông H, bà N1 đồng ý liên đới trả cho bà T số tiền 197.030.000 đồng, xin không trả tiền lãi suất.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

*Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:*

Bà T yêu cầu ông H, bà N1 phải liên trả cho bà số tiền 197.030.000 đồng và lãi suất 0.83%/ 01 tháng của số tiền 197.030.000 đồng tính từ tháng 02/2022 đến khi giải quyết xong vụ án là có cơ sở chấp nhận, bởi vì: căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 06/01/2022, ông H ký tên xác nhận nợ tiền của bà T và ông H, bà N1 thừa nhận còn nợ tiền bà T là 197.030.000 đồng. Ông H, bà N1 là vợ chồng hợp pháp, vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông H, bà N1 phải trả lãi trên số tiền chậm trả cho bà T. Do đó, bà T yêu cầu ông H, bà N1 liên đới trả cho bà số tiền 197.030.000 đồng và lãi suất 0.83%/ 01 tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357, 430, 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Nguyễn Thanh H có địa chỉ tại ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Thanh H, bà Trần Thị Thu N1 xin xét xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Về nội dung vụ án:**

[2.1] Bà T yêu cầu ông H, bà N1 phải liên đới trả số tiền 197.030.000 đồng. Ông H, bà N1 thừa nhận nợ bà T và đồng ý liên đới trả cho bà T số tiền 197.030.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Bà T yêu cầu ông H, bà N1 phải liên đới trả lãi đối với số tiền mua bán tài sản chậm trả là 197.030.000 đồng, thời hạn tính lãi kể từ tháng 02/2022 cho đến ngày xét xử làm tròn là 25 tháng, mức lãi là 0,83%/tháng, thành tiền là 40.883.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 357, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự thì “Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này; và theo Điều 357 quy định: “1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 (1,66%/tháng) của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 (0,83%/tháng) của Bộ luật này”.

Như vậy, bà T yêu cầu ông H, bà N1 phải liên đới trả cho bà tổng số tiền 237.913.000 đồng (197.030.000 đồng tiền gốc + 40.883.000 đồng tiền lãi suất = 237.913.000 đồng) là có căn cứ.

[2.3] Ông H, bà N1 không đồng ý trả lãi suất là không có căn cứ như phần nhận định [2.2].

[2.4] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên ông H và bà N1 phải liên đới chịu 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà T.

Bà T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà T.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ các Điều 288, 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.  
Căn cứ vào các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;  
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Mai Thị Kim T** đối với ông **Nguyễn Thanh H**, bà **Trần Thị Thu N1** về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”. Ông **Nguyễn Thanh H**, bà **Trần Thị Thu N1** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Mai Thị Kim T** tổng số tiền 237.913.000 đồng (197.030.000 đồng tiền gốc + 40.883.000 đồng tiền lãi suất = 237.913.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông **Nguyễn Thanh H**, bà **Trần Thị Thu N1** phải liên đới chịu 11.895.000 đồng (đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Mai Thị Kim T** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà **T** 4.930.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001978 ngày 31/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh; (**Đã ký**)
- Chi cục THADS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Chí Dũng**